

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2016

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà Kênh Tắt và phà Láng Sắt, Quốc lộ 53**

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà Kênh Tắt và phà Láng Sắt, Quốc lộ 53 như sau:*

#### **Điều 1. Người nộp phí**

Người nộp phí qua phà Kênh Tắt và phà Láng Sắt, Quốc lộ 53 là người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự.

#### **Điều 2. Mức thu phí**

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí qua phà Kênh Tắt và phà Láng Sắt, Quốc lộ 53.

#### **Điều 3. Miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí**

1. Việc miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí qua phà Kênh Tắt và phà Láng Sắt, Quốc lộ 53 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc đăng ký, kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí qua phà Kênh Tắt và phà Láng Sắt, Quốc lộ 53 không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông

tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, Thông tư số 110/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2016.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung. *huyl*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước tỉnh Trà Vinh;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). *150*





**BIỂU MỨC THU PHÍ QUA PHÀ KÊNH TẮT VÀ  
PHÀ LÁNG SẮT, QUỐC LỘ 53**

(Kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BTC ngày 08/01/2016 của Bộ Tài chính)

Số tt	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe tương tự: - Vé lượt - Vé tháng	đồng/lượt đồng/tháng	4.000 120.000
2	Xe mô tô ba bánh, xe lôi, xe ba gác và các loại xe tương tự	đồng/lượt	5.000
3	Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, xe lam và các loại xe tương tự	đồng/lượt	25.000
4	Xe khách từ 12 ghế đến dưới 15 ghế ngồi	đồng/lượt	30.000
5	Xe khách từ 15 ghế đến dưới 30 ghế ngồi	đồng/lượt	40.000
6	Xe khách từ 30 ghế đến dưới 50 ghế ngồi	đồng/lượt	45.000
7	Xe khách từ 50 ghế ngồi trở lên	đồng/lượt	50.000
8	Xe chở hàng trọng tải dưới 3 tấn	đồng/lượt	40.000
9	Xe chở hàng trọng tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn	đồng/lượt	45.000
10	Xe chở hàng trọng tải từ 5 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt	55.000
11	Xe chở hàng trọng tải từ 10 tấn đến dưới 15 tấn	đồng/lượt	70.000
12	Xe chở hàng trọng tải từ 15 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet	đồng/lượt	80.000
13	Thuê cả chuyến phà loại 60 tấn	đồng/chuyến	100.000
14	Thuê cả chuyến phà loại 100 tấn	đồng/chuyến	200.000

Ghi chú: Mức thu phí nêu trên áp dụng riêng tại từng bến phà: phà Kênh Tắt, phà Láng Sắt.